TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 435/2018/HNGĐ – ST
Ngày: 16-5-2018
V/v : "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T - THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Lý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bông Hường

2. Ông Đào Quốc Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hương Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T *tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Đức Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T - Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1074/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2018/QĐXXST ngày 23 tháng 3 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Bích V , sinh năm: 1979

Địa chỉ: 42A L , phường Tây Thạnh, quận T

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn K , sinh năm: 1971

Địa chỉ: 42A L , phường T , quận T .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/10/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Bích V trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn K tự nguyện đến với nhau vào năm 1999, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T , huyện T , tỉnh C

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, sau đó ông bà thường phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là ông K thường xuyên cờ bạc, rượu chè, về nhà không quan tâm gì đến vợ con, thường xuyên la mắng vợ con, thường xuyên vay tiền bên ngoài về bắt vợ phải trả nợ thay. Vì vậy từ năm 2015 vợ chồng bà đã sống ly thân với nhau, mỗi người tự sống, không ai quan tâm đến ai. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ để nuôi dạy con cái là không có nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn cùng ông K để hai bên có cuộc sống mới ổn định hơn.

Về quan hệ con chung: vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Thị Kim N , sinh ngày 25/9/2000, Nguyễn Thanh Ph, sinh ngày 30/10/2005, Nguyễn Thanh P , sinh ngày 30/10/2005. Khi ly hôn bà xin được nuôi cả 3 con chung và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà V xin tự thỏa thuận

Về nợ chung: Bà V khai không có.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn K vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

1. Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện của bà Nguyễn Bích V , Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn. Nay Bà V yêu cầu ly hôn, ông K có nơi cư trú tại quận T nên Toà án nhân dân quận T thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn :

Ông K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông K vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông K theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

2.Về yêu cầu của nguyên đơn:

* Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận nhận kết hôn số 75, quyển số 01/2003 ngày 01/08/2003 do Ủy ban nhân dân xã T , huyện T , tỉnh C cấp thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Bích V và ông Nguyễn Văn K là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ Tòa thu thập, lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thể hiện: Thời gian chung sống vợ chồng Bà V và ông K thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hoà hợp, vợ chồng không quan tâm đến nhau, không chia sẽ cho nhau những khó khăn trong cuộc sống. Mặt khác, ông K không đến Tòa án theo giấy triệu

tập của Tòa, thể hiện ông K không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân giữa hai bên không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà V

*Về quan hệ con chung:

Ông K không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc nuôi con. Bà V yêu cầu được nuôi 03 con chung tên Nguyễn Thị Kim N , sinh ngày 25/9/2000, Nguyễn Thanh P , sinh ngày 30/10/2005, Nguyễn Thanh P , sinh ngày 30/10/2005. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu được nuôi con của Bà V là phù hợp, thực tế hiện trẻ đang do Bà V trực tiếp nuôi dưỡng và nguyện vọng các trẻ muốn được ở với mẹ nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Bà V .

*****Về cấp dưỡng**:** Ông K vắng mặt và không trình bày ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bà V không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX ghi nhận. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông K do Bà V không yêu cầu.

* Về tài sản chung: Bà V xin để hai vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hôi đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này các bên có yêu cầu giải quyết về tài sản chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

* Về nợ chung: Bà V khai không có. Nếu sau này ông K có căn cứ cho rằng hai bên có nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Bích V phải chịu án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia Đình;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Bích V được ly hôn với ông Nguyễn Văn K .

Giấy chứng nhận nhận kết hôn số 75, quyển số 01/2003 ngày 01/08/2003 do Ủy ban nhân dân xã T , huyện T , tỉnh C cấp cho bà Nguyễn Bích V và ông Nguyễn Văn K không còn giá trị kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Giao ba con chung là Nguyễn Thị Kim N , sinh ngày 25/9/2000, Nguyễn Thanh P , sinh ngày 30/10/2005, Nguyễn Thanh P , sinh ngày 30/10/2005 cho Bà V trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông K do Bà V không yêu cầu.

+ Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Trong trường hợp Bà V không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, Bà V hoặc ông K , hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Ông K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

+ Trường hợp ông K lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì Bà V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung: Bà V xin để hai vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này các bên có yêu cầu giải quyết về tài sản chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

- Về nợ chung: Bà V khai không có. Nếu sau này ông K có căn cứ cho rằng hai bên có nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

2. **Về án phí :** Bà Nguyễn Bích V phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí do Bà V đã nộp theo biên lai thu số 0010101 ngày 08/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận T .

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hay niêm yết bản án

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6;7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận T ;
- Chi cục THA dân sự quận T
- UBND xã T , huyện T , tỉnh C
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Trúc Lý